

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUY ĐỨC  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 31 - 12 - 2021  
“*V/v ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Triệu.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Đức Minh và ông Lưu Ngọc Khoa.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thanh Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Ngọc Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2021/TLST-HNGĐ ngày 31/5/2021 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Đặng Thị Th, sinh năm 1993 – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn QH, xã N, huyện KN, tỉnh Đắk Nông.

**- Bị đơn:** Anh Sầm Văn Đ, sinh năm 1990 – vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Địa chỉ: Bôn B1, xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đặng Thị Th trình bày: Chị Đặng Thị Th kết hôn với anh Sầm Văn Đ năm 2011, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện KN, tỉnh Đắk Nông. Vợ chồng kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện nhưng do tìm hiểu không kỹ nên sau một thời gian chung sống thì vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng có nhiều khác biệt về quan điểm sống, khó khăn về kinh tế và lý do quan trọng nhất dẫn đến mâu thuẫn là do hai vợ chồng không có con chung. Do mâu thuẫn trầm trọng không thể giải quyết nên chị và anh Đ đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Chị Th cho rằng tình cảm đối với anh Đ không còn,

hai bên đã không còn quan tâm gì đến nhau, cuộc sống hôn nhân của anh chị không thể hoà hợp, mục đích hôn nhân không đạt được nên làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức cho ly hôn với anh Đ.

Về con chung, tài sản chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng không có con chung, tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức tiến hành xác minh nơi cư trú của anh Sầm Văn Đ xác định anh Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại bon B1A, xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông, hiện đang sinh sống cùng bố mẹ tại bon B1, xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông.

Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn anh Sầm Văn Đ nhưng anh Đ vắng mặt tại các buổi làm việc, không có bản tự khai, trình bày ý kiến trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu ý kiến:

Toà án nhân dân huyện Tuy Đức thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ: Toà án xác định đúng người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, cấp tông đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng khoản Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Th, cho chị Đặng Thị Th được ly hôn với anh Sầm Văn Đ.

Về con chung, tài sản chung: Không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Đặng Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001514 ngày 31/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết vào quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Đặng Thị Thảo khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Sầm Văn Đ có hộ khẩu thường trú tại Bon B1A, xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông do đó đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu ly hôn của chị Th với anh Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 24/3/2011, chị Đặng Thị Th và anh Sầm Văn Đ tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện KN, tỉnh Đắk Nông theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh Đ là hợp pháp.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Th và anh Đ đã tồn tại mâu thuẫn kéo dài, chị Th cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp, khó khăn về kinh tế và đặc biệt là vợ chồng không có con chung. Chị Th và anh Đ đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Chị Th khẳng định hiện nay không còn tình cảm và không còn quan tâm đến anh Đ. Hội đồng xét xử xét thấy, với thực trạng hôn nhân nói trên cho thấy mâu thuẫn giữa chị Th và anh Đ đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị Th với anh Đ là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 [Luật hôn nhân và gia đình năm 2014](#).

[3] Về con chung: Không có nên không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đặng Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Th được ly hôn với anh Sầm Văn Đ.

2. Về án phí: Chị Đặng Thị Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Th đã nộp theo biên lai số 0001514 ngày 31/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện Tuy Đức;
- UBND xã Nr, huyện KN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký, đóng dấu)**

**Nguyễn Xuân Triệu**

UNR eGIS/TKO

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện TĐ;
- Chi Cục THADS huyện TĐ;
- Các đương sự;
- Lưu, HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phan Quang Trung**

UNR eSIS 01

UNREGISTERED